

Số: 672 /BVĐKT-KD
V/v yêu cầu chào giá vị thuốc
y học cổ truyền

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 3 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vị thuốc y học cổ truyền tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Hoàng Thị Bích Hạnh - Khoa Dược, Điện thoại: 0919.688.959
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 19 tháng 3 năm 2024 đến trước 17h ngày 29 tháng 3 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mặt hàng và mẫu báo giá:
(Chi tiết danh mục tại phụ lục 1 và 2 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trừ.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; KD; TCKT.

GIÁM ĐỐC



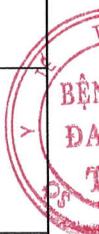
Lê Văn Sỹ

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 672 /BVĐKT-KD ngày 19/3/2024)

**DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN DỰ KIẾN SỬ DỤNG NĂM 2024-2025
NHÓM 1+2 THEO THÔNG TƯ SỐ 15/2019/TT-BYT NGÀY 11/7/2019 CỦA BỘ Y TẾ**

STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
I. Nhóm phát tán phong hàn									
1	1	1	1	Bạch chi	Radix Angelicae dahuricae	Thuốc phiến khô (phiến dày 1 - 2mm)	Phiến thuốc khô lát dày 0,2 - 0,4cm. Vị thuốc Bạch chi có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột. Độ ẩm không quá 14%. Cho phản ứng định tính theo ĐĐVN V.	Kg	
2	1	6	7	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	Thuốc phiến khô (đoạn ngắn, khô)	Cành của cây quế đã thái thành phiến mỏng (dài từ 1-2cm), phơi sấy khô. Đạt tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
II. Nhóm phát tán phong nhiệt									
3	1	17	19	Cúc hoa	Flos Chrysanthemi indici	Thuốc phiến khô (hoa khô màu vàng)	Cụm hoa hình đầu đã chế biến, phơi sấy khô của cây Cúc hoa vàng. Mùi thơm nhẹ. không mốc mọt; Đạt tiêu chuẩn dược ĐĐVN V	Kg	
III. Nhóm phát tán phong thấp									
1	2	35	142	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	Đoạn ngắn phơi khô	Thân dây leo đã được thái lát mỏng từ 2-4cm mặt ngoài có những đốm gò cạn, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
2	2	37	31	Độc Hoạt	Herba Elsholtziae ciliatae	Thuốc phiến khô (thái phiến mỏng)	Vị thuốc Độc hoạt chế là sản phẩm đã chế biến từ rễ phơi hay sấy khô của cây Độc hoạt, họ Hoa tán. Thái lát 1-2 mm sấy khô. Khô nhuần, màu nâu xám, vị cay, rất đắng. Theo tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
3	2	41	35	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thuốc phiến khô (phiến mỏng hoặc đoạn ngắn sạch, màu nâu đen)	Vị thuốc Khương hoạt là thân rễ và rễ đã phơi khô của cây Khương hoạt hoặc Khương hoạt lá rộng, họ Hoa tán. Đạt ĐĐVN V. Thái lát dày 5mm, phơi âm can, sấy 60 độ đến khô. Khương hoạt phiến là những lát màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.	Kg	
4	2	45	39	Ngũ gia bì chân chim	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Thuốc phiến khô (thái lát hoặc cắt từng đoạn ngắn)	Vỏ thân và vỏ cành đã phơi hay sấy khô của cây Ngũ gia bì chân chim, họ Nhân sâm. Mảnh vỏ hơi cong kiểu hình máng, dài 20cm đến 50cm, rộng 3cm đến 10cm, dày khoảng 0,3cm đến 1cm. Dược liệu đã được cạo lớp bần, có màu nâu nhạt, lõm đốm vết xám trắng nhạt. Mặt cắt ngang gồm lớp ngoài lớn nhẵn như có sạn, lớp trong có sợi xoắn và dễ tách dọc. Vỏ nhẹ và giòn. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng. Đạt ĐĐVN V	Kg	
5	2	47	6	Phòng phong	Radix Saposhnikovia divaricatae	Thuốc phiến khô (phiến dày 1-2mm)	Rễ đã được phơi khô của cây Phòng phong, họ Hoa tán. Rễ có hình nón hay hình trụ dài, dần thắt nhỏ lại về phía dưới, hơi ngoằn ngoèo, dài 15cm - 30cm, đường kính 0,5cm - 2cm. Mặt ngoài màu nâu xám, sần sùi với những vân ngang, lớp vỏ ngoài thường bong tróc ra, nhiều nốt bị không trắng và những u lồi do vết rễ con để lại. Phần đầu rễ mang nhiều vân lõi hình vòng cung, đôi khi là những túm gốc củống lá dạng sợi có màu nâu, dài 2cm đến 3cm. Thê chất nhẹ, dễ gãy, vết gãy không đều, vỏ ngoài màu nâu và có vết nứt, lõi màu vàng nhạt. Mùi thơm, vị đặc trưng, hơi ngọt. Đạt ĐĐVN V	Kg	
6	2	53	45	Tần giao	Radix Gentianae macrophyllae	Thuốc phiến khô (đoạn thân, lá, cành khô, màu xám)	Rễ đã được phơi hay sấy khô của một số loài Tần giao: Gentiana macrophylla Pall: Rễ hình trụ, trên to, dưới nhỏ, xoắn vặn, dài 10cm - 30cm, đường kính 1cm - 3cm. Mặt ngoài màu vàng nâu hoặc màu vàng, có nếp nhăn theo chiều dọc hoặc vặn. Đầu rễ còn sót lại mầm gốc thân. Chất cứng, giòn, dễ bị bẻ gãy. Mặt gãy mềm: Phần vỏ có màu vàng hoặc vàng nâu, phần gỗ màu vàng. Mùi đặc biệt, vị đắng, hơi chát. Gentiana straminea Maxim: Rễ hơi hình nón, thường do máy rễ nhỏ tụ lại, đường kính tới 7cm. Mặt ngoài màu nâu, thô, có vết nứt với lỗ vân dạng mạng lưới. Chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ gãy thô. Gentiana dahurica Fisch: Rễ hơi hình nón hoặc trụ, dài 8cm đến 15cm, đường kính 0,2cm - 1cm. Mặt ngoài có màu vàng nâu. Rễ chính thường là một rễ, đầu rễ còn sót lại gốc thân. Phần dưới của rễ thường phân nhánh. Mặt gãy có màu trắng vàng. Đạt ĐĐVN V	Kg	
IV. Nhóm thuốc trừ hàn									



STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
10	1	68	58	Quế nhục	Cortex Cinnamomi	Thuốc phiến khô (đoạn ngắn khô)	Vỏ thân hoặc cành lớn của cây Quế. Được cắt ngắn từ 1-3cm, dày khoảng 0,5cm. Mùi thơm, vị cay, ngọt, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐVN V	Kg	
8	2	58	47	Can khương	Rhizoma Zingiberis	Thuốc phiến khô (phiến dài 1-2mm)	Vị thuốc Can khương là thân rễ phơi hay sấy khô của cây gừng, họ gừng. Thái lát, sao vàng; sao cháy. Vị thuốc Can khương là những phiến mỏng có kích thước dài 3 - 5cm, dày 3 - 5mm, mặt ngoài phiến có màu hơi vàng (Can khương sao vàng), màu đen (Thán khương), nhâm có vị cay, thơm mùi gừng. Theo tiêu chuẩn ĐVN V	Kg	
VI. Nhóm thanh nhiệt giải thử									
9	2	69	59	Bạch biển đậu	Semen Lablab	Hạt Sao vàng	Là hạt già phơi sấy khô của cây Đậu ván trắng sau đó đem sao: Hạt hình bầu dục hoặc hình trứng dẹt. Mặt thuốc có màu vàng nhạt thỉnh thoảng có đốm đen, bên trong hạt màu trắng ngà. Thề chất cứng chắc, vỏ mỏng giòn, có 2 lá mầm to màu trắng ngà. Khi nhai có mùi thơm không còn mùi tanh của đậu sống. Không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐVN V	Kg	
VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc									
10	2	91	80	Kim ngân hoa	Flos Lonicerae	Thuốc phiến khô (hoa chùm khô, mềm màu vàng thẫm)	Nụ hoa có lẫn một số hoa phơi hay sấy khô của cây Kim ngân. Nụ hoa hình ống, cong queo, màu vàng nâu, phủ đầy lông, mùi thơm nhẹ, đắng. Không vụn nát, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn dược ĐVN V	Kg	
11	2	97	94	Thỏ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae	Thuốc phiến (phiến khô, sạch, dày khoảng 1mm)	Thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây Thỏ phục linh. Thái lát độ dày 1-2mm, mặt ngoài nâu vàng hay nâu tro. Mặt cắt màu trắng đến màu nâu đỏ nhạt không mốc mọt; Theo tiêu chuẩn dược ĐVN V	Kg	
X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết									
12	2	136	93	Thiên hoa phấn	Radix Trichosanthis	Rễ bỏ vỏ ngoài sấy khô, phiến mỏng	Rễ bỏ vỏ ngoài sấy khô, phiến mỏng của cây qua lâu, mặt cắt màu trắng hay vàng nhạt, nhiều bột, không mùi, vị đắng không mốc mọt. Theo ĐDTQ 2010.	Kg	
XII. Nhóm thuốc chỉ khái bình suyễn									
13	2	156	180	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori	Thuốc phiến khô (phiến dày 1-2mm)	Vị thuốc Cát cánh là rễ phơi hay sấy khô của cây Cát cánh. a) Cát cánh phiến: Các phiến mỏng 0,5 - 1,2 mm, màu vàng nhạt, dẻo, vị hơi nhạt sau hơi đắng, dễ hút ẩm. b) Cát cánh chích mật: Màu vàng nhạt, sẫm màu hơn Cát cánh phiến, vị ngọt nhẹ sau hơi đắng và hơi nhớt trong miệng, dễ hút ẩm. Đạt ĐVN V	Kg	
XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong									
14	2	171	197	Câu đằng	Ramulus cum unco Uncariae	Thuốc phiến khô (đoạn dài 1,5-2cm, có gai hình móc câu)	Đoạn thân hoặc cành có gai hình móc câu đã phơi hay sấy khô của cây Câu đằng. Thân vuông, màu nâu thẫm, được cắt đoạn 2 - 3 cm, đường kính 2 - 5 mm. Các mắt có móc câu, sấy khô, thân vuông, màu nâu thẫm, móc tròn hơi nhọn. Theo tiêu chuẩn dược ĐVN V	Kg	
XIV. Nhóm thuốc an thần									
15	2	179	204	Bá tử nhân	Semen Platycladi orientalis	Hạt phơi sấy khô	Vị thuốc Bá tử nhân là hạt trong "nón cái" già (còn gọi là "quả") đã phơi hay sấy khô của cây Trắc bách. Đạt ĐVN V. Vị thuốc Bá tử nhân là hạt hình trứng dài hoặc bầu dục hẹp, dài 4 - 7 mm, đường kính 1,5 - 3 mm. Mặt ngoài màu vàng nâu nhạt có các đốm nâu. Mùi thơm nhẹ, vị nhạt.	Kg	
16	2	184	208	Phục thần	Poria	Thuốc phiến khô (lát mỏng, khô)	Thề quả nấm đã phơi hay sấy khô của nấm Phục linh. Thân quả nấm đã sấy khô, thái mỏng, kích thước dày 1cm, dài 2-3cm, mặt cắt màu trắng đục, thỉnh thoảng còn sót lại một ít rễ con của cây thông, không mùi, vị nhạt. Không mốc mọt; Theo tiêu chuẩn dược ĐVN V	Kg	
17	2	185	209	Táo nhân	Semen Ziziphi mauritanae	Thuốc phiến (hạt tròn, đẹp, sao đến khi vỏ đen, ruột màu vàng)	Vị thuốc Táo nhân là nhân (Hắc táo nhân) của hạt già đã phơi hay sấy khô của cây Táo ta hay còn gọi là Táo chua. Đạt ĐVN V.	Kg	

STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
18	2	187	210	Thảo quyết minh	Semen Cassiae torae	Thuốc phiến (hạt chắc, vát hai đầu, sao đến khi mặt ngoài có đen, bên trong có màu nâu đen)	Vị thuốc Thảo quyết minh (Hạt muồng) là hạt già đã phơi hay sấy khô của cây Thảo quyết minh. Đạt ĐĐVN V. a) Thảo quyết minh sao vàng: Mùi thơm đặc trưng, màu nâu sẫm. b) Thảo quyết minh sao cháy: Mặt ngoài màu đen, bên trong màu nâu đen, mùi thơm cháy đặc trưng.	Kg	
XVI. Nhóm thuốc hành khí									
19	2	198	222	Hương phụ	Rhizoma Cyperi	Thuốc phiến khô (mảnh vỡ của thân rễ màu nâu đen sau khi tữ chế)	Vị thuốc Hương phụ (Củ gấu) là thân rễ đã loại bỏ rễ con và lông, phơi hay sấy khô của cây Hương phụ vườn hoặc cây Hương phụ biển. Đạt ĐĐVN V. Tữ chế (chế với 4 loại). Vị thuốc Hương phụ là những mảnh nhỏ hoặc lát mỏng, bên ngoài vỏ có màu nâu hoặc nâu sẫm, mặt lát có màu nâu nhạt hơi hồng. Mùi thơm, có vị cay, hơi đắng ngọt.	Kg	
20	2	208	230	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Thuốc phiến (sợi hoặc mảnh nhỏ màu nâu xám, sao qua)	Vị thuốc Trần bì là vỏ chín đã phơi hoặc sấy khô và để lâu năm của cây Quýt. Đạt ĐĐVN V. a) Trần bì sao vàng có màu vàng hoặc vàng nâu. b) Trần bì sao cháy là các sợi quấn queo, màu đen, mùi thơm cháy đặc trưng, vị hơi đắng.	Kg	
XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết, khử ứ									
24	1	221	251	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ của cây ngưu tất di thực được phơi khô, được thái khúc 2-3 cm màu vàng sẫm, vị đắng, chua.	Vị thuốc Ngưu tất là rễ đã phơi hay sấy khô của cây Ngưu tất. Đạt ĐĐVN V. a) Ngưu tất chích rượu: Thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất và của rượu. b) Ngưu tất chích muối: Thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất.	Kg	
25	1	226	261	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 2mm)	Vị thuốc Xuyên khung là sản phẩm đã chế biến từ thân rễ của cây Xuyên khung. Trích rượu. Xuyên khung đã chế biến có màu nâu hoặc nâu vàng (sao), thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay. Đạt ĐĐVN V.	Kg	
23	2	212	238	Đào nhân	Semen Pruni	Loại Đào nhân chế theo phương pháp để vỏ, sao vàng, mặt ngoài nháp, hơi nhăn, có màu hơi vàng, mùi thơm đặc trưng của hạnh nhân, nhám có vị đắng nhẹ, ngứa bụi.	Vị thuốc Đào nhân là nhân hạt lấy ở quả chín phơi khô của cây Đào hoặc cây Sơn đào. Đạt ĐĐVN V. a) Đào nhân sao vàng giữ vỏ có mặt ngoài nháp, hơi nhăn, có màu hơi vàng, mùi thơm đặc trưng của hạnh nhân, nhám có vị đắng nhẹ, ngứa bụi; b) Đào nhân sao vàng bỏ vỏ có mặt ngoài nhẵn, có màu hơi vàng, nhám có vị đắng nhẹ, ngứa bụi; c) Đào nhân ép bỏ dầu là những mảnh nhỏ có thể chất dính, mùi thơm đặc trưng của hạnh nhân, nhám có vị đắng nhẹ, ngứa bụi.	Kg	
24	2	213	241	Hồng hoa	Flos Carthami tinctorii	Thuốc phiến khô (cách hoa to nhỏ, màu hồng)	Hoa đã phơi khô của cây Hồng hoa. Hoa dài 1-2 cm, mặt ngoài màu vàng đỏ hay đỏ. Tràng hoa hình ống thon, phía trên xê làm 5 cánh hẹp, dài 0,5 - 0,8 cm. 5 nhị. Bao phấn dính liền thành ống, màu vàng, núm nhụy hình trụ, hơi phân đôi, nhô ra khỏi cánh hoa. Chất mềm, mùi thơm nhẹ, vị đắng nhẹ. Tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
25	2	217	245	Kê huyết đằng	Caulis Spatholobi	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 2mm)	Thân đã thái thành phiến phơi hay sấy khô của cây Kê huyết đằng. Phiến dày 2-3mm, đường kính từ 3-5cm. phiến giác hình bầu dục không đều, vị chát, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết									
26	2	230	266	Hòe hoa	Flos Styphnolobii japonici	Thuốc phiến khô (nụ hoa sao vàng sẫm)	Vị thuốc Hòe hoa là nụ hoa đã phơi hay sấy khô đến của cây Hòe. Đạt ĐĐVN V. Sao vàng, sao cháy. a) Hòe hoa sao vàng có màu vàng đậm, mùi thơm, bên trong vàng sáng. b) Hòe hoa sao cháy có phía ngoài màu đen đều, bên trong có màu nâu, mùi thơm cháy.	Kg	
XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy									
30	1	254	291	Trạch tả	Rhizoma Alismatis	Thuốc phiến (phiến dày 1 - 2mm, tấm, sao, màu vàng ngà)	Vị thuốc Trạch tả là thân rễ khô đã cạo sạch vỏ ngoài của cây Trạch tả. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, sao vàng; chích muối. Trạch tả chế mặt phiến có màu vàng đậm, mùi thơm nhẹ, vị mặn, hơi ngọt.	Kg	
28	2	236	273	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Poria	Thuốc phiến khô (thái miếng nhỏ hình khối)	Vị thuốc Bạch linh (Phục linh) là thể nấm đã phơi hay sấy khô của nấm Phục linh, mọc ký sinh trên rễ một số loài Thông. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến. Vị thuốc Bạch linh là phiến không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thể chất chắc hơi xốp.	Kg	

STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
29	2	258	295	Ý dĩ	<i>Semen Coicis</i>	Thuốc phiến (nhân hạt sao vàng sẫm)	Vị thuốc Ý dĩ là hạt của quả chín đã phơi hay sấy khô của cây Ý dĩ. Đạt ĐDVN V. Sao vàng với cám. Hạt hình trứng ngắn hay hơi tròn, dài 0,5 - 0,8 cm, đường kính 0,2 - 0,5 cm. Mặt ngoài màu vàng nhạt, bên trong màu trắng hay trắng ngà. Mùi thơm.	Kg	
XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo									
30	2	279	153	Thương truật	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Thuốc phiến khô (lát mỏng, sạch, khô)	Vị thuốc Thương truật là thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây Thương truật. Đạt ĐDVN V. a) Thương truật sao qua: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề mặt phiến có màu trắng đục hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu. b) Thương truật sao vàng: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề ngoài mặt phiến có màu vàng tối hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu. c) Thương truật sao cháy: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm cháy bề mặt phiến thuốc có màu đen nâu, bên trong màu nâu.	Kg	
XXIII. Nhóm thuốc thu liễm, cố sáp									
34	1	282	321	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis</i>	Hạt sen đã bỏ lõi	Vị thuốc Liên nhục là hạt của cây Sen (đã tách bỏ phần tâm sen). Màu trắng ngà, không mối mọt. Đạt ĐDVN V.	Kg	
32	2	286	327	Ngũ vị tử	<i>Fructus Schisandrae</i>	Thuốc phiến khô (tầm mật, sao phòng)	Vị thuốc Ngũ vị tử là quả chín phơi hay sấy khô của cây Ngũ vị bắc hoặc của cây Ngũ vị nam. Đạt ĐDVN V. Tầm mật, tầm giấm. a) Ngũ vị tầm mật: Vỏ quả màu tím, đỏ tối. Cùi quả phồng rộp bám vào hạt. Cùi có mùi đặc biệt, vị chua, ngọt. Đập vỡ hạt ngửi thấy mùi thơm, vị cay và hơi đắng. b) Ngũ vị tầm giấm: Vỏ quả màu đỏ tím, đỏ tối. Cùi quả mềm nhuyễn. Cùi có mùi đặc biệt, vị chua. Đập vỡ hạt ngửi thấy mùi thơm, vị cay và hơi đắng.	Kg	
33	2	290	332	Son thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Thuốc phiến khô (vỏ quả, mềm, màu vàng)	Vị thuốc Sơn thù là quả gần chín phơi hay sấy khô đã bỏ hạt của cây Sơn thù du. Đạt ĐDVN V. Đem chưng và chưng rượu. a) Sơn thù nhục: Là những quả đã vỡ, nhân nheo do tách bỏ hạt, dài 1,0 - 1,7 cm, cùi dày không đến 0,15 cm. Mặt ngoài màu hồng tía hoặc nâu tía, nhân nheo bóng láng, có miệng rạch bỏ hạt, một đầu có rốn nhỏ hình tròn. Màu sắc mặt trong tương đối nhạt hơn và ẩm, không trơn bóng. Không mùi, vị chua chát và hơi đắng. b) Sơn thù tầm rượu chưng: Là những hình phiến không theo quy tắc nào hoặc dạng hình nang, có mặt ngoài màu cánh gián, nhân nheo, bóng láng. Mùi hơi thơm, vị chua chát và hơi đắng.	Kg	
XXV. Nhóm thuốc bổ huyết									
34	2	295	340	Bạch thược	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Thuốc phiến khô (phiến dày 0.5- 1 mm)	Vị thuốc Bạch thược (Thược dược) là rễ củ phơi hay sấy khô của cây Thược dược. Đạt ĐDVN V. Thái phiến, sao, chích rượu. a) Bạch thược phiến: phiến bạch thược mỏng, trắng, khô, thẳng hay hơi cuộn lại. Vị ngọt hơi chua b) Bạch thược sao và Bạch thược chích rượu: có màu vàng nhạt, mùi thơm.	Kg	
35	2	296	240	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/Quy râu)	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Thuốc phiến khô (phiến dày 1.5- 2mm)	Vị thuốc Đương quy là toàn rễ (toàn quy) đã phơi hay sấy khô của cây Đương quy. Đạt ĐDVN V. Chích rượu. Vị thuốc Đương quy là phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.	Kg	
36	2	298	343	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>	Thuốc phiến khô (phiến dày 1- 2mm)	Vị thuốc Hà thủ ô đỏ là rễ củ đã phơi hay sấy khô của cây Hà thủ ô đỏ. Đạt ĐDVN V. Thái phiến, ngâm vớ nước vo gạo, đồ với đậu đen. Vị thuốc Hà thủ ô đỏ là phiến mỏng, khô cứng, có màu nâu thẫm đồng nhất. Vị hơi ngọt.	Kg	
37	2	299	346	Long nhãn	<i>Arillus Longan</i>	Thuốc phiến khô (miếng dày, mềm, dẻo, sờ không dính tay, màu cánh gián hoặc nâu thẫm)	Áo hạt (cùi) đã phơi hay sấy khô của cây Nhãn. Cùi quả nhãn dày. Mông không đều màu vàng cánh gián hay màu nâu. Một mặt nhãn. Một mặt sáng bóng. Theo tiêu chuẩn dược ĐDVN V	Kg	

STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
38	2	301	355	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Thuốc phiến (phiến dẹt nhuận dày khoảng 5mm)	Vị thuốc Thục địa là sản phẩm được chế biến từ rễ cây Địa hoàng. Đạt ĐDVN V. Cừu chưng, cừu sái với rượu và nước gừng. Vị thuốc Thục địa có màu đen bóng, thể chất nhuận dẹt, cầm không thấy dính tay, mùi thơm ngọt đặc trưng.	Kg	
XXVI. Nhóm thuốc bổ âm									
39	2	303	341	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	Quả chín phơi hay sấy khô	Quả chín phơi hay sấy khô của cây Câu kỷ. Quả hình trứng hay trái xoan. dài từ 1-1,5cm, trong có nhiều hạt. vị ngọt hơi chua. Theo tiêu chuẩn dược ĐDVN V	Kg	
40	2	305	347	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Thuốc phiến khô (rửa sạch, bỏ lõi, phơi khô)	Rễ củ đã phơi hay sấy khô của Mạch môn đông. Rễ hình thoi, ở mỗi đầu còn vết tích của rễ con, dài 1,5 - 3,5 cm, đường kính 0,2 - 0,8 cm, dễ nguyên hay vỡ đôi theo chiều dọc. Mặt cắt ngang có lớp vỏ mỏng màu nâu nhạt, phần ruột trắng ngà, có lõi nhỏ ở chính giữa. Mùi thơm nhẹ, vị hơi ngọt sau đó hơi đắng. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V. Bỏ lõi, sao vàng	Kg	
41	2	307	349	Ngọc trúc	Rhizoma Polygonati odorati	Thuốc phiến khô (lát mỏng, khô)	Thân rễ đã phơi khô của cây Ngọc trúc. Thái phiến mỏng dày từ 1-2mm, dài 3-5cm. Mặt ngoài màu trắng hơi vàng hoặc nâu vàng, mùi nhẹ vị hơi ngọt, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V	Kg	
42	2	309	351	Sa sâm	Radix Glehniae	Thuốc phiến khô (hạt màu nâu xám sẫm)	Rễ đã phơi hay sấy khô của cây Sa sâm. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V, ủ mềm, thái phiến. Sấy khô	Kg	
XXVII. Nhóm thuốc bổ dương									
46	1	312	357	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Thuốc phiến khô (bỏ lõi, cắt đoạn ngắn)	Vị thuốc Ba kích là rễ đã phơi hay sấy khô và chế biến của cây Ba kích. Thái phiến, chích rượu, chích muối, chích cam thảo. Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần quèo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thể chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị thuốc Ba kích chích cam thảo có vị hơi ngọt, vị thuốc Ba kích chích muối có vị hơi mặn, vị thuốc Ba kích chích rượu có vị hơi chát. Đạt ĐDVN V.	Kg	
44	2	315	363	Cầu tích	Rhizoma Cibotii	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 3mm)	Vị thuốc Cầu tích là thân rễ đã loại bỏ lông và phơi hay sấy khô của cây Cu li. Đạt ĐDVN V. Thái phiến, sao vàng, sao cách cát, chích rượu, chích muối. Vị thuốc Cầu tích là các phiến phẳng đều, giòn. Cầu tích sao cách cát cho màu vàng thẫm, mùi thơm. Cầu tích chích muối có màu nâu xám, vị hơi mặn, mùi thơm.	Kg	
45	2	316	364	Cốt toái bồ	Rhizoma Drynariae	Thuốc phiến khô (phiến dày 1-2mm)	Cốt toái bồ chế là sản phẩm đã chế biến của thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây Cốt toái bồ, Đạt ĐDVN V. Thái phiến mỏng từ 1-2mm. Trích rượu sao qua. Cốt toái bồ đã chế biến: có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.	Kg	
46	2	319	370	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	Đỗ trọng. Dược liệu là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con.	Vị thuốc Đỗ trọng là vỏ thân đã phơi hay sấy khô của cây Đỗ trọng. Đạt ĐDVN V. Thái phiến, chích muối, chích rượu, sao đen. a) Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính đàn hồi như cao su. b) Đỗ trọng chích muối ăn: Là những miếng vỏ phẳng, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám đen, bẻ gãy không còn sợi tơ. c) Đỗ trọng chích rượu: Là những miếng vỏ phẳng, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm. màu xám tro sẫm, bẻ gãy không còn sợi tơ. d) Đỗ trọng sao đen: Là những miếng nhỏ, thẳng, tương đối đều nhau. Màu đen, bóp gãy vụn.	Kg	
XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí									
47	2	328	358	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thuốc phiến khô (phiến dày 1-2mm)	Thân rễ (thường gọi là củ) phơi hay sấy khô của cây Bạch truật. Đạt tiêu chuẩn ĐDVN V. Thái phiến khô 2-3mm. Tẩm rượu, sao vàng. Bạch truật sau chế là các lát màu vàng thẫm, cạnh hơi xám đen. Có vị ngọt, mùi thơm đặc trưng của bạch truật.	Kg	

STT	Nhóm TCKT	STT TT 05/2015	STT TT 15/2020	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
48	2	329	360	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Thuốc phiến khô (Phiến dày 2- 2.5 mm)	Vị thuốc Cam thảo là rễ và thân rễ phơi hay sấy khô của cây Cam thảo. Đạt ĐĐVN V Thái phiến, chích mật. Vị thuốc Cam thảo có màu vàng nhạt (sinh Cam thảo), màu vàng đậm (Cam thảo chích mật). Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.	Kg	
49	2	330	365	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	Thuốc phiến (Quả phơi khô)	Quả chín đã phơi hay sấy khô của cây Đại táo. Quả hình bầu dục hoặc hình trứng, dài 2 - 3,5 cm, đường kính 1,5 - 2,5 cm, gốc quả lõm, có cuống quả ngắn. Vỏ quả ngoài mỏng, nhẵn nheo, màu hồng tía, hơi sáng bóng. Vỏ quả giữa mềm, xốp, ngọt và có dầu, màu vàng nâu hay nâu nhạt. Vỏ quả trong là một hạch cứng rắn, hình thoi dài, hai đầu nhọn, có 2 ô, chứa các hạt nhỏ hình trứng. Mùi thơm đặc biệt, vị ngọt. Theo tiêu chuẩn ĐĐVN V	Kg	
50	2	331	367	Đảng sâm	Radix Codonopsis	Thuốc phiến khô (phiến dày 1-2mm hoặc đoạn ngắn)	Rễ phơi hoặc sấy khô của cây Đảng sâm. Đạt ĐĐVN V. Dược chế biến thái phiến và chưng. a) Đảng sâm phiến: Phiến thuốc màu trắng ngà, thể chất thịt, giữa có lõi gỗ. Mùi thơm, vị ngọt nhẹ. b) Đảng sâm chưng: Phiến thuốc màu nâu đen thể chất thịt, giữa có lõi gỗ. Mùi thơm, vị ngọt.	Kg	
54	1	333	372	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	Thuốc phiến khô (đoạn dài 2- 3cm)	Vị thuốc Hoài sơn là rễ củ đã chế biến, phơi hay sấy khô của cây Hoài sơn. Thái phiến, sao cách cảm đến vàng. Vị thuốc Hoài sơn là phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bẻ ra bên trong có màu trắng, mùi thơm. Đạt ĐĐVN V.	Kg	
52	2	334	373	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Radix Astragali membranacei	Thuốc phiến khô (phiến dày 1.5-2mm. hoặc đoạn ngắn. tẩm mật sao vàng)	Vị thuốc Hoàng kỳ là rễ phơi hay sấy khô của cây Hoàng kỳ. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, chích mật sao nhỏ lửa đến vàng. Vị thuốc Hoàng kỳ bề ngoài có màu vàng nâu, hơi bóng, có mùi thơm và vị ngọt.	Kg	
				Tổng cộng					

W

